

Liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản của các hợp tác xã nông nghiệp hiện nay

HOÀNG VŨ QUANG*
NGUYỄN TIẾN ĐỊNH**

Thời gian qua, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản của các hợp tác xã nông nghiệp (dưới đây gọi tắt là HTX) và doanh nghiệp (DN) ngày càng phát triển, nhiều mô hình triển khai thành công. Tuy nhiên, thực hiện liên kết còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, trong đó nguyên nhân chính là thiếu các HTX hoạt động hiệu quả để liên kết với DN. Do đó, việc củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thời gian tới.

THỰC TRẠNG CÁC HTX THAM GIA LIÊN KẾT

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến hết năm 2019, cả nước có 15.300 HTX, trong đó có 24,5% HTX thực hiện tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên và có khoảng 21% HTX có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, có 7 hình thức liên kết. Để hiểu rõ hơn các hình thức này, nhóm tác giả khảo sát 38 HTX có tham gia liên kết tại 17 tỉnh, thành phố trên cả nước trong thời gian từ tháng 07/2018 đến tháng 07/2019 (38 HTX có liên kết chuỗi giá trị, thì 12 HTX ở miền Bắc, 11 HTX ở miền Trung và 15 HTX ở miền Nam). Kết quả cho thấy, các HTX tham gia cả 7 hình thức liên kết như Nghị định số 98/2018/NĐ-CP như Bảng.

Kết quả cụ thể như sau:

Hình thức 1: Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hình thức này chiếm 26,3% số HTX có liên kết khảo sát và xuất hiện trong cả 4 nhóm sản phẩm. Ưu điểm khi tham gia hình thức liên kết này đó là HTX hoàn toàn chủ động trong việc tổ chức sản xuất dựa trên khả năng của các thành viên và HTX, đồng thời HTX có thể chủ động lựa chọn đối tác liên kết cung ứng đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra sao cho thành viên và HTX có lợi nhất.

Hình thức 2: Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hình thức liên kết này chiếm

BẢNG: TỶ LỆ HTX KHẢO SÁT THAM GIA LIÊN KẾT PHÂN THEO CÁC HÌNH THỨC LIÊN KẾT

Đơn vị: %

Hình thức liên kết	Trồng trọt	Chăn nuôi	Lâm nghiệp	Thủy sản	Chung
Hình thức 1	26,7	12,5	57,1	12,5	26,3
Hình thức 2	20,0	12,5	0,0	17,5	18,4
Hình thức 3	6,7	12,5	0,0	12,5	7,9
Hình thức 4	6,7	0,0	0,0	12,5	5,3
Hình thức 5	0,0	12,5	0,0	0,0	2,6
Hình thức 6	33,3	50,0	42,9	25,0	36,8
Hình thức 7	6,7	0,0	0,0	0,0	2,6
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra của nhóm tác giả, 2018-2019

* TS., ** TS., Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn

18,4% các HTX khảo sát và thường xuất hiện phổ biến ở những chuỗi sản phẩm hàng hóa quy mô lớn, như: lúa gạo, thanh long, chè, cà phê... Trong liên kết này, DN thu mua nông sản đóng vai trò quyết định và điều phối mọi hoạt động trong chuỗi liên kết. HTX thường chỉ đóng vai trò trung gian giữa nông dân với DN.

Hình thức 3: Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hình thức này chỉ chiếm 7,9% các HTX có liên kết được khảo sát. Trong hình thức liên kết này, HTX đóng vai trò quan trọng trong khâu tổ chức để sản xuất ra sản phẩm có khối lượng, chất lượng đáp ứng theo yêu cầu của DN thu mua. Ngay từ đầu mỗi vụ hoặc mỗi chu kỳ sản xuất, DN thu mua thường đặt hàng với HTX về khối lượng sản phẩm thu mua và đưa ra một số yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn sản phẩm mà người nông dân phải đáp ứng. DN thu mua cũng sẽ cam kết thu mua toàn bộ sản phẩm nếu hộ nông dân và HTX đáp ứng yêu cầu. Vì thế, khi hợp đồng liên kết được ký kết, HTX cần phải đảm nhiệm hai vai trò quan trọng là hướng dẫn, giám sát các hộ thực hành đúng quy trình kỹ thuật và tổ chức thu mua sản phẩm của hộ thành viên cho DN liên kết. Hình thức liên kết này tương đối phổ biến ở những chuỗi sản phẩm xuất khẩu, DN có nhu cầu sản phẩm được áp dụng quy trình sản xuất có chứng nhận, như: GAP, hữu cơ... hoặc các tiêu chuẩn sản xuất bền vững.

Hình thức 4: Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hình thức này chỉ chiếm 5,3% HTX có liên kết khảo sát. Đại diện cho hình thức liên kết này là trường hợp HTX nông ngư Hoa Đẻ ở tỉnh Sóc Trăng tham gia liên kết với Công ty Cổ phần Tôm miền Nam để sản xuất chuỗi tôm xuất khẩu theo tiêu chuẩn chứng nhận Hội đồng Quản lý nuôi trồng thủy sản (ASC). Trong quá trình sản xuất, HTX trực tiếp giám sát việc thực hành sản xuất của các hộ theo tiêu chuẩn của ASC thông qua việc ghi chép sổ sách của các hộ. Công ty Cổ phần Tôm miền Nam thu mua với giá cao hơn giá thị trường 3%-5%.

Hình thức 5: Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong các HTX khảo sát, thì chỉ có 2,6% HTX có liên kết theo hình thức này và

chỉ thấy xuất hiện trong lĩnh vực chăn nuôi, mà điển hình là HTX bò sữa Tân Thông Hội ở TP. Hồ Chí Minh. HTX đóng vai trò là trung tâm điều phối và tổ chức hoạt động chuỗi với các công việc đảm nhiệm theo tiêu chuẩn VietGAP. Như vậy, ở hình thức liên kết này, HTX hoàn toàn chủ động trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ổn định cho các thành viên.

Hình thức 6: Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hình thức này chiếm tỷ lệ cao nhất 36,8% HTX khảo sát. Bản chất của hình thức liên kết này là DN muốn bán vật tư đầu vào và thu mua sản phẩm đầu ra. DN và HTX không tham gia vào quá trình kiểm soát chất lượng trong khâu sản xuất, vì vậy cả hai đều không quan tâm đến việc áp dụng quy trình kỹ thuật của hộ nông dân. Chỉ đến trước thời điểm thu hoạch, DN thu mua lấy mẫu sản phẩm ngẫu nhiên để kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, mẫu mã sản phẩm rồi tiến hành thu mua theo hợp đồng đã ký kết. Như vậy, vai trò của HTX trong hình thức liên kết này khá mờ nhạt, chủ yếu đóng vai trò làm trung gian liên kết cho các DN thu mua sản phẩm.

Hình thức 7: Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hình thức này chỉ chiếm 2,6% số HTX khảo sát. Thực tế, HTX tham gia hình thức liên kết này thường có 02 kiểu:

(i) Đối với những sản phẩm không yêu cầu cao về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, hoặc vùng nguyên liệu ở xa DN, điều kiện đi lại khó khăn. Ví dụ như trường hợp chè nguyên liệu ở nhiều vùng trung du, miền núi. Theo đó, DN xuất khẩu chè liên kết với HTX tại vùng nguyên liệu để HTX thực hiện việc thu mua chè búp tươi, sấy khô rồi bán lại cho DN.

(ii) Ở chuỗi sữa, do các công ty sữa có thể kiểm soát quá trình sản xuất sữa đến từng công bố của hộ dân nên DN không muốn liên kết qua HTX, mà chỉ muốn HTX làm trạm thu mua sữa, sau đó vận chuyển về nhà máy của DN (như trường hợp: HTX bò sữa Đơn Dương ở Lâm Đồng, HTX Xuân Lộc ở TP. Hồ Chí Minh...).

Mặc dù liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản có nhiều lợi thế cho HTX và DN, tuy nhiên hiện nay, phát triển liên kết còn có những hạn chế, đó là:

Thứ nhất, năng lực người lãnh đạo HTX chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đối với giám đốc HTX. Nhiều cán bộ HTX chủ yếu là nông dân, trình độ học vấn không cao, chưa qua đào tạo chuyên môn, nên năng lực quản trị HTX, tìm kiếm thị trường gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ hai, khó khăn đối với hầu hết các HTX khi thực hiện liên kết, đó là việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm DN/đối tác thu mua sản phẩm. Nhiều hộ nông dân đã thiết lập quan hệ ổn định, lâu dài với những người thu mua sản phẩm (thương lái, vựa, DN), nên HTX khó khăn trong việc thuyết phục hộ nông dân bán sản phẩm, nếu HTX không mua giá cao hơn. Nhiều tác nhân thương mại có vị thế chi phối thị trường tại nơi sản xuất và có điều kiện cạnh tranh cao hơn HTX (vốn

lớn, khối lượng thương mại lớn, mạng lưới phân phối ổn định) khiến HTX rất khó có thể cạnh tranh được. Chẳng hạn, Công ty sữa Vinamilk chỉ mua trực tiếp từ nông dân, không muốn mua qua HTX hoặc HTX bỏ sữa Đơn Dương chỉ tổ chức trạm thu mua với sự đồng ý của Công ty Dalatmilk.

Thứ ba, rất ít HTX tổ chức sản xuất theo quy chuẩn chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Ví dụ, HTX Hàm Minh 30 ở Bình Thuận, nếu không sản xuất thanh long theo GlobalGAP, thì không liên kết được với DN để xuất khẩu đi châu Âu. HTX gỗ rừng trồng nếu không áp dụng quy trình FSC, thì cũng không liên kết được với các DN xuất khẩu gỗ. Các DN xuất khẩu tôm thường yêu cầu có chứng nhận quốc tế ASC để xuất khẩu, nhưng chi phí để có chứng nhận ASC quá lớn và người dân không đủ năng lực, cũng như chưa muốn tự đầu tư để có chứng nhận quốc tế ASC.

Thứ tư, phần lớn các HTX có vốn và tài sản ít, trong khi đó các HTX gặp khó khăn trong tiếp cận vay vốn từ các ngân hàng thương mại, quỹ phát triển HTX do nhiều HTX không có tài sản thế chấp, hiệu quả hoạt động chưa cao, thì việc buy đồng vốn góp của các thành viên còn nhiều hạn chế. Thành viên HTX chưa thực sự tin tưởng vào HTX, còn tâm lý e dè.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HTX THAM GIA LIÊN KẾT

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, tham gia mạnh hơn nữa của các HTX vào liên kết chuỗi giá trị, tăng sức cạnh tranh. Theo chúng tôi, thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ quản lý chủ chốt của HTX về trình độ quản trị, kỹ năng xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, kiến thức quản trị; đào tạo về chuyên môn kỹ thuật cho thành viên HTX áp dụng quy trình công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường. Xây dựng và hỗ trợ thực hiện các chương trình khởi nghiệp trong HTX. Ngoài ra, cần có chính sách hỗ trợ HTX thuê người quản lý HTX, cán bộ kinh doanh để làm việc. Bên cạnh đó, cần có cơ chế chính sách hỗ trợ thành lập lực lượng tư vấn hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2018). *Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*
2. Chính phủ (2018). *Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn*
3. Chính phủ (2018). *Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp*
4. Chính phủ (2018). *Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2019). *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 và triển khai Kế hoạch năm 2020*

Hai là, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để DN liên kết với HTX. Nhà nước cần có quy định pháp lý rõ ràng hơn và có cơ chế chính sách ưu đãi cao hơn những chính sách hiện nay (Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 58/2018/NĐ-CP, ngày 18/4/2020 về bảo hiểm nông nghiệp...) để thu hút DN đầu tư vào nông nghiệp, đồng thời tham gia liên kết với HTX, trở thành thành viên của HTX. Tạo điều kiện hình thành những mô hình liên kết hiệu quả giữa DN - HTX - nông dân gắn với ứng dụng công nghệ cao.

Ba là, đẩy mạnh xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng sản phẩm theo chuỗi, gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm. Theo đó, cần hỗ trợ HTX, nông dân về chi phí chứng nhận, hướng dẫn áp dụng thực hành quy trình kỹ thuật, hỗ trợ ứng dụng công nghệ công nghệ thông tin, công nghệ blockchain để truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hỗ trợ HTX liên kết xây dựng, khai thác thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các HTX liên kết tham gia vào chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"; ưu tiên sản phẩm của HTX liên kết được tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm...

Bốn là, rà soát và đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX. Bên cạnh việc tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách hiện nay, cần tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, mà các HTX hiện đang gặp phải, như: tiếp cận vốn tín dụng; hỗ trợ thủ tục xác nhận, chứng nhận sơ hữu đất đai của HTX; hỗ trợ kết cấu hạ tầng sản xuất...□